

Số: *09* /2017/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *20* tháng *6* năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*  
*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  
*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*  
*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*  
*Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về Chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017-2020;*  
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 87/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 5 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017-2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định Chính sách khuyến khích đầu tư vào sản xuất công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (cập nhật văn bản trên CSDLQG về pháp luật);
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Các chuyên viên khối nghiên cứu tổng hợp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. HG

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Đức Duy**

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ,  
du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn  
tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09 /2017/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Chính sách này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhà đầu tư nhận ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại chính sách này.

**Điều 2. Điều kiện hỗ trợ**

1. Các lĩnh vực khuyến khích đầu tư

a) Dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên. Riêng các dự án đầu tư chế biến nông, lâm sản có tổng vốn đầu tư từ 60 tỷ đồng trở lên.

b) Dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu du lịch; đầu tư xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp trên địa bàn các huyện, thị xã (trừ thành phố Yên Bái) có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

c) Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp.

d) Dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch được duyệt, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, thân thiện với môi trường.

2. Không áp dụng Chính sách này đối với các dự án đầu tư sau: Đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư chế biến khoáng sản; đầu tư xây dựng công trình thủy điện; đầu tư sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà

nước; dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện đã được hưởng ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Chính sách này áp dụng đối với các dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô (tính từ thời điểm chính sách này có hiệu lực) và nhà đầu tư phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đầu tư đã cam kết.

2. Thời điểm được xét cấp ưu đãi và hỗ trợ: Khi nhà đầu tư hoàn thành dự án hoặc hoàn thành theo phân kỳ đầu tư của dự án và dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ đã cam kết, trên cơ sở hồ sơ thiết kế dự toán được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định và khối lượng thực tế thi công nghiệm thu, thanh quyết toán.

3. Trong cùng một thời gian, nếu nhà đầu tư có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

4. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư khi nhà nước thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp nhà đầu tư tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả phần kinh phí được hỗ trợ theo quy định bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

5. Những nội dung không nêu trong Chính sách này được thực hiện theo các chính sách hiện hành của Nhà nước.

## **Chương II**

### **CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

#### **Điều 4. Hỗ trợ san tạo mặt bằng**

Đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí san tạo mặt bằng nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án.

#### **Điều 5. Hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng**

1. Đối với các dự án trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tỉnh đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, nước đến hàng rào dự án.

2. Đối với nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư xây dựng nhưng không quá 03 tỷ đồng đối với nhà đầu tư có diện tích khai thác từ 30 ha đến dưới 50 ha và không quá 05 tỷ đồng đối với nhà đầu tư có diện tích khai thác từ 50 ha trở lên.

3. Đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ như xây dựng khu du lịch, trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp: Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng về giao thông, điện trong hàng rào dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án.

4. Đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch được duyệt, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, thân thiện với môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quy mô, tính chất từng dự án cụ thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ.

#### **Điều 6. Hỗ trợ khác**

1. Hỗ trợ miễn phí cho nhà đầu tư trong việc quảng cáo, giới thiệu hình ảnh, giới thiệu sản phẩm trên Website và các kênh thông tin khác của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp, Tư vấn và Xúc tiến đầu tư tỉnh Yên Bái.

2. Hỗ trợ nhà đầu tư về thủ tục đầu tư, kinh doanh: Các sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, quy hoạch ngành, lĩnh vực đầu tư và các thông tin khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của ngành mình theo quy định.

#### **Điều 7. Nguồn vốn thực hiện**

Kinh phí thực hiện chính sách này được bố trí từ ngân sách địa phương trên cơ sở số lượng dự án thực tế được đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các chính sách liên quan đến đầu tư; hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật của ngành; xây dựng quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án thu hút vốn đầu tư của ngành; giải quyết khó khăn, vướng mắc của dự án đầu tư trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án đầu tư; kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư trên địa bàn.

## **Điều 9. Trách nhiệm của Nhà đầu tư**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này; cung cấp đầy đủ các hồ sơ theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin cung cấp.

2. Tổ chức triển khai thực hiện dự án đúng nội dung, tiến độ đã cam kết. Trường hợp dự án có lý do chính đáng về việc triển khai chậm tiến độ đã cam kết, nhà đầu tư phải báo cáo giải trình, cam kết lại tiến độ thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét việc gia hạn tiến độ.


## **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Đối với các dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô đã được cấp có thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư trước thời điểm Chính sách này có hiệu lực thì Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo các quy định trước thời điểm chính sách này có hiệu. Đối với các dự án đầu tư mới hoặc dự án mở rộng quy mô được cấp có thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư kể từ ngày chính sách này có hiệu lực nếu đáp ứng các điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tại Điều 2 của Quy định này thì Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Chính sách này.

2. Việc kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của nhà đầu tư phải theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các nhà đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
  
Đỗ Đức Duy